

NỘI DUNG ÔN TẬP, KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Khối 3 – Năm học 2024 – 2025

I. MÔN TOÁN

1. Phép cộng, trừ trong phạm vi 1.000
2. Bảng nhân, chia: 3,4,6,7,8,9
3. Hình chữ nhật, hình vuông, tam giác. Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính. Khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
4. Nhân, chia số có hai chữ số (có ba chữ số) với số có một chữ số. Phép chia hết và phép chia có dư.
5. Gấp một số lên một số lần. Giảm một số đi một số lần.
6. Bài toán giải bằng 2 bước tính.
7. Đơn vị đo độ dài, khối lượng, nhiệt độ, dung tích: mi-li-mét ; gam; mi-li-lít; độ C
8. Tìm thành phần trong phép tính cộng, trừ, nhân, chia.
9. Tính giá trị của biểu thức số. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé.

II. MÔN TIẾNG VIỆT

1. Tiếng Việt - Đọc. Các bài tập đọc từ tuần 10 - tuần 17 (Đọc và trả lời câu hỏi)
2. Tiếng Việt - Viết: Viết khoảng 65 - 70 chữ /15 phút

3. Luyện tập 1

- Từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động. Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm. Từ trái nghĩa. Biện pháp so sánh
- Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.
- Dấu hai chấm, dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

4. Luyện tập 2:

Đề 1: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em đối với người thân.

Đề 2: Viết đoạn văn tả một đồ vật em yêu thích.

Đề 3. Viết đoạn văn nêu lí do thích hay không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

III. MÔN CÔNG NGHỆ

- Bài 1. Tự nhiên và công nghệ
- Bài 2. Sử dụng đèn học
- Bài 3. Sử dụng quạt điện
- Bài 4. Sử dụng máy thu thanh
- Bài 5. Sử dụng máy thu hình
- Bài 6. An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình - Tiết 1+ 2

IV. MÔN TIN HỌC

Chương 1: Máy tính và em

1. Thông tin và quyết định



+ Nêu được ví dụ đơn giản minh họa cho vai trò của thông tin thu nhận hàng ngày với việc ra quyết định của con người.

+ Nhận biết được đâu là thông tin, đâu là quyết định.

2. Dạng thông tin và xử lý thông tin

+ Nhận biết ba dạng thông tin thường gặp là: chữ, âm thanh, hình ảnh.

+ Nhận ra được trong ví dụ: thông tin thu nhận và được xử lý là gì, kết quả xử lý là hành động hay ý nghĩ gì.

3. Con người xử lý thông tin: Nêu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Bộ não của con người là một bộ phận xử lý thông tin.

4. Máy xử lý thông tin:

+ Nêu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Cuộc sống quanh ta có những máy tiếp nhận thông tin để quyết định hành động.

+ Nhận ra được trong ví dụ máy xử lý thông tin nào và kết quả xử lý ra sao.

5. Làm quen với máy tính

+ Nhận diện, phân biệt được hình dạng của máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh và các thành phần cơ bản của chúng.

+ Nêu được sơ lược về chức năng các bộ phận chính của máy tính.

+ Nhận biết được màn hình cảm ứng của máy tính bảng và điện thoại thông minh cũng dùng để nhận thông tin vào.

6. Sử dụng chuột máy tính

+ Nhận biết được vị trí các nút chuột và cách cầm chuột đúng.

+ Thực hiện các thao tác cơ bản với chuột.

7. Làm việc với máy tính

+ Biết ngồi đúng tư thế khi làm việc với máy tính

+ Nêu được tác hại của việc ngồi sai tư thế hoặc sử dụng máy tính quá thời gian quy định cho lứa tuổi.

8. Điều khiển máy tính

+ Khởi động được máy tính, kích hoạt được phần mềm ứng dụng.

+ Rút khỏi được hệ thống đang chạy đúng cách

+ Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách khi sử dụng sẽ gây tổn hại cho các thành phần của máy tính.

9. An toàn về điện khi sử dụng máy tính: Biết thực hiện quy tắc an toàn về điện và có ý thức đề phòng tai nạn về điện.

10. Bàn phím máy tính: chỉ ra được khu vực chính của bàn phím máy tính và nên được tên các hàng phím.

11. Cách đặt tay gõ phím

+ Biết vị trí đặt các ngón tay trên hàng phím cơ sở. Thực hiện các thao tác gõ phím đúng quy định.

+ Biết sử dụng phần mềm **Notepad** để gõ văn bản.

V. MÔN TIẾNG ANH

1. Phạm vi: Từ Unit 0 đến Unit 5

2. Năng lực:

- Biết nói lời chào, tạm biệt.
- Hiểu và biết đưa ra các câu lệnh trong lớp học.
- Biết hỏi và trả lời về màu sắc.
- Biết hỏi và trả lời về tuổi
- Biết giới thiệu, hỏi và trả lời về các thành viên trong gia đình.
- Biết giới thiệu và nói về học sinh, giáo viên trong trường học.
- Biết hỏi và trả lời về các đồ dùng học tập, đồ vật trong lớp học.
- Biết giới thiệu, hỏi và trả lời về các con vật trong nhà, ở châu Phi và dưới biển.
- Biết giới thiệu các phòng trong nhà.
- Biết giới thiệu, hỏi và trả lời về các đồ vật trong nhà.
- Biết giới thiệu về trang phục.

3. Từ vựng:

- Chủ đề Chào hỏi: màu sắc, số 1-10, câu lệnh
- Chủ đề Gia đình: các thành viên trong gia đình, tính từ miêu tả.
- Chủ đề Trường học: các đồ vật, đồ dùng học tập.
- Chủ đề Con vật: các con vật ở nhà, ở châu Phi và dưới biển.
- Chủ đề Ngôi nhà: các phòng, các đồ vật trong nhà.
- Chủ đề Quần áo: các trang phục

4. Cấu trúc:

- Hi. / Hello. I'm Ana.
- Nice to meet you.
- How are you? - I'm fine. Thank you.
- Bye. / Goodbye.
- What colour is it? – It's ...
- How old are you? – I'm ...
- This is my dad. My dad is Jack.
- You are funny.
- It is a classroom.
- He's a student.
- We're students.
- Are you a student? – Yes, I am. / No, I'm not.
- Are they desks? – Yes, they are. / No, they aren't.
- This / That is a bird.
- These / Those are monkeys.
- What's this / that? – It's a/an ...
- What are these / those? – They're ...
- There's a living room.
- There are three bedrooms.
- Is there a...? Are there...? - Yes, there is / are./ No, there isn't / aren't.
- The ball is red.
- I've got a T-shirt. My T-shirt is red.



- She's got a coat. Her coat is warm.
- I've got a new T-shirt.

XÁC NHẬN CỦA BGH
Phó Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Phúc Lợi, ngày 03 tháng 12 năm 2024
TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Đỗ Thị Thanh Thủy